



BẢN TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ

Tuần 02 (08-12/4/2024)

CÁC THÔNG TIN CHÍNH

Kinh tế - tài chính thế giới

- ADB nâng dự báo tăng trưởng kinh tế châu Á 2024
- Kinh tế Mỹ: Lạm phát tăng tốc trở lại khi các chỉ số giá tiêu dùng, giá sản xuất (toàn phần và lõi) trong tháng 3/2024 đều tăng so với dự báo trong khi số đơn xin trợ cấp thất nghiệp vẫn giảm mạnh xuống dưới mức dự báo. Điều này có thể khiến Fed trì hoãn cắt giảm lãi suất lâu hơn.
- Kinh tế Trung Quốc: Tăng trưởng kinh tế 2024 dự báo giảm và rủi ro giảm phát vẫn hiện hữu. Trong khi đó, ngoại thương bất ngờ có dấu hiệu yếu đi.
- Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) nhận định tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt mà Fed áp dụng thời gian qua có độ trễ nhất định và cần thêm thời gian để đánh giá một cách đầy đủ trước khi đưa ra quyết định cắt giảm lãi suất điều hành.
- NHTW Châu Âu (ECB) không thay đổi lãi suất điều hành và đưa ra nhận định áp lực lạm phát tại Eurozone tiếp tục giảm do giá lương thực và hàng hóa giảm, tuy nhiên áp lực giá ở lĩnh vực dịch vụ vẫn đang ở mức cao.

Kinh tế - tài chính, ngân hàng Việt Nam

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo kết luận số 160/TB-VPCP ngày 11/4/2024 về quản lý thị trường vàng, theo đó, NHNN sẽ triển khai ngay 5 nhóm giải pháp;
- Gói tín dụng cho ngành lâm, thủy sản có thể được nâng lên 50 nghìn tỷ đồng;
- Trong tuần, có khoảng 10 ngân hàng điều chỉnh lãi suất tiết kiệm;
- Lãi suất VND LNH biến động tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn tuần qua;
- NHNN bơm ròng 51.283,36 tỷ VND ra thị trường trong tuần qua bằng kênh thị trường mở;
- Trên thị trường liên ngân hàng trong nước, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh theo xu hướng tăng, đồng USD trên thị trường thế giới biến động mạnh do leo thang căng thẳng ở Trung Đông.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ – HÀNG HÓA QUỐC TẾ TUẦN 02 (08-12/4/2024)

Lãi suất điều hành của một số NHTW

NHTW	Quốc gia	Lãi suất hiện áp dụng	Lãi suất trước đó	Thời gian điều chỉnh	Phiên họp chính sách sắp tới
FED	Mỹ	5.25%	5.00%	26/07/2023	01/05/2024
ECB	EURO Zone	4.50%	4.25%	14/09/2023	06/06/2024
BOJ	Nhật Bản	-0.10%	0.00 %	29/01/2016	26/04/2024
PBoC	Tr/Quốc	3.45%	3.55 %	22/08/2022	NA
RBA	Úc	4.35%	4.10%	07/11/2023	07/05/2024
BoE	Anh	5.00%	4.50%	22/06/2023	09/05/2024
BOK	Hàn Quốc	3.50%	3.25 %	13/01/2023	23/05/2024
BI	Indonesia	6.00%	5.75%	19/10/2023	24/04/2024
BNM	Malaysia	2.75%	2.50%	03/11/2022	09/05/2024
BOT	Thái Lan	2.50%	2.25%	27/09/2023	12/06/2024
CBR	Nga	16.00%	15.00%	15/12/2023	15/04/2024

Tỷ giá USD với một số đồng tiền chủ chốt

Cặp tiền tệ chủ chốt	Tỷ giá	+/_% theo tuần	+/_% theo tháng	+/_% theo Y/Y
EURUSD	1.06402	-1.80%	-2.79%	-3.66%
GBPUSD	1.24489	-1.48%	-2.71%	-0.57%
AUDUSD	0.64610	-1.78%	-2.40%	-4.72%
USDJPY	153.198	1.05%	3.69%	15.57%
USDCNY	7.26639	0.28%	1.02%	5.75%
USDCAD	1.37715	1.35%	2.25%	3.28%
USDRUB	93.4300	1.00%	2.28%	14.36%
USDKRW	1379.72	2.13%	5.02%	6.04%
DXY	106.012	1.64%	3.14%	4.95%
USDTHB	36.6200	0.14%	2.78%	7.83%
USDSGD	1.36105	0.92%	2.18%	2.95%

Lợi tức Trái phiếu CP một số nước

Trái phiếu CP kỳ hạn 10 năm	Lợi suất	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% Y/Y
United States	4.5175	0.14%	0.33%	1.07%
United Kingdom	4.1670	0.10%	0.14%	0.60%
Japan	0.8665	0.10%	0.11%	0.40%
Australia	4.2590	0.14%	0.18%	0.97%
Germany	2.3600	-0.04%	0.01%	-0.01%
China	2.2830	-0.01%	-0.06%	-0.55%
Singapore	3.3390	0.13%	0.32%	0.59%
South Korea	3.5410	0.11%	0.21%	0.27%
Taiwan	1.5650	0.07%	0.33%	0.33%
Thailand	2.7630	0.18%	0.26%	0.22%
Vietnam	2.8610	-0.02%	0.24%	-0.63%
Hong Kong	3.8825	0.06%	0.18%	0.91%
Indonesia	6.6430	-0.06%	0.00%	-0.04%
Malaysia	3.9150	0.04%	0.07%	0.02%
Philippines	6.8125	0.39%	0.59%	0.56%

Chỉ số chứng khoán một số thị trường lớn

Chỉ số chủ chốt	+/_% 1 tuần	+/_% 1 tháng	+/_% sv đầu năm	+/_% sv 1Y	+/_% sv 3 Y
Dow Jones	-2.37%	-1.89%	+0.78%	+12.09%	+11.60%
S&P 500	-1.56%	+0.12%	+7.41%	+23.82%	+22.85%
Nasdaq	-0.45%	+1.26%	+7.75%	+33.42%	+15.22%
DAX	-1.49%	-0.18%	+6.88%	+13.26%	+17.36%
FTSE 100	+1.07%	+3.47%	+3.39%	+1.57%	+14.49%
CAC 40	-0.63%	-1.88%	+6.20%	+6.53%	+28.50%
Euro Stoxx 50	-1.21%	-0.64%	+9.57%	+12.83%	+24.06%
Nikkei 225	+1.47%	+2.22%	+18.24%	+38.86%	+33.48%
Shanghai	-1.62%	-1.15%	+1.50%	-9.55%	-11.17%
Hang Seng	-0.01%	0.00%	-1.91%	-18.19%	-41.92%
SET	+1.51%	+0.75%	-1.38%	-12.32%	-9.39%
KOSPI	-1.19%	+0.56%	+1.00%	+4.29%	-16.04%
IDX Com	0.00%	-0.53%	+0.22%	+6.90%	+19.90%
PSEi	-1.28%	-2.39%	+3.25%	+2.74%	+1.83%

Thị trường hàng hóa

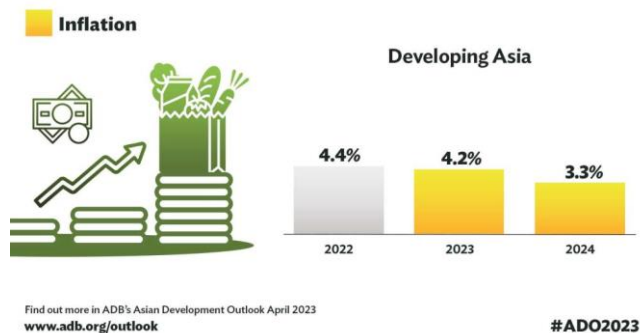
1. Năng lượng	Giá	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% Y/Y	3.Khoáng sản	Giá	+/_% tuần	+/_% tháng	+/_% Y/Y
Crude Oil USD/Bbl	85.660	-1.44%	8.02%	4.41%	Copper USD/Lbs	4.2585	0.40%	5.07%	3.26%
Natural gas USD/MMBtu	1.7700	-0.84%	-0.78%	-11.81%	Steel CNY/T	3440.00	2.44%	-3.56%	-12.62%
Gasoline USD/Gal	2.8029	0.51%	5.63%	-1.02%	Iron Ore USD/T	106.05	6.08%	-5.12%	-11.57%
2.Kim loại quý					Aluminum USD/T	2481.00	1.24%	9.58%	4.82%
Gold USD/t.oz	2343.12	0.58%	7.76%	14.87%	Tin USD/T	31689	10.63%	15.15%	31.92%
Silver USD/t.oz	27.858	1.37%	11.25%	7.99%	Zinc USD/T	2802.00	6.20%	8.77%	-1.23%
Lithium CNY/T	111500	1.83%	-3.46%	-43.54%	Nikel USD/T	17725	0.49%	-2.20%	-24.73%
Platinum SD/t.oz	989.70	6.73%	5.51%	-5.49%	Coal USD/T	132.50	2.63%	1.07%	-30.54%

Nguồn: Tổng hợp từ Tradingeconomics, Investing, 13/4/2024

A. THÔNG TIN KINH TẾ - TÀI CHÍNH THẾ GIỚI

I. Kinh tế - thương mại – đầu tư

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu ADB nâng dự báo tăng trưởng kinh tế châu Á 2024



Kinh tế Mỹ

Lạm phát tăng tốc trở lại khi các chỉ số giá tiêu dùng, giá sản xuất (toàn phần và lõi) trong tháng 3/2024 đều tăng so với dự báo trong khi số đơn xin trợ cấp thất nghiệp vẫn giảm mạnh xuống dưới mức dự báo. Điều này có thể khiến Fed trì hoãn cắt giảm lãi suất lâu hơn.

Kinh tế Trung Quốc

Tăng trưởng kinh tế 2024 dự báo giảm và rủi ro giảm phát vẫn hiện hữu. Trong khi đó, ngoại thương bất ngờ có dấu hiệu yếu đi.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2024 lại tăng thấp hơn dự báo với mức tăng nhẹ 0,1% so với cùng kỳ năm trước, trong khi tháng trước tăng 0,7% và dự báo 0,4%.

Chỉ số giá sản xuất (PPI) cũng giảm 2,8% so với cùng kỳ năm trước, khớp dự báo và giảm mạnh hơn so với tháng 2 (-2,7%). Trong 3 tháng đầu năm, PPI giảm 2,7%.

II. Thị trường tài chính

Động thái chính sách các NHTW lớn

Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed):

Trong biên bản cuộc họp tháng 3/2024 công bố ngày 11/04, Fed khẳng định lại triển vọng

Trong báo cáo triển vọng châu Á tháng 4/2024, ADB nâng dự báo tăng trưởng trong năm 2024 của khu vực châu Á đang phát triển lên 4,9%, từ mức dự báo 4,8% đưa ra vào tháng 12/2023. Tuy nhiên, ADB cũng cảnh báo về những thách thức kéo dài như căng thẳng địa chính trị gia tăng, trong đó có xung đột ở Trung Đông, có thể làm gián đoạn chuỗi cung ứng và gây ra lạm phát.

Mức dự báo tăng trưởng năm 2024 của ADB đưa ra thấp hơn một chút so với mức tăng trưởng 5% của khu vực vào năm 2023. Tăng trưởng cho năm 2025 cũng được dự báo ở mức 4,9%.
(Nguồn: ADB)

Lạm phát (CPI) toàn phần lại tăng tốc tháng thứ 2 liên tiếp lên 3,5% trong tháng 3/2024, cao nhất kể từ tháng 9/2023. CPI toàn phần lõi (loại trừ giá năng lượng và lương thực) tăng 0,4%, tương đương tháng trước nhưng cao hơn so với dự báo (0,3%). Lạm phát giá sản xuất (PPI) cũng tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước và 0,2% so với tháng trước (dự báo tăng 0,3%).

Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tuần đầu tháng 4/2024 giảm 11 nghìn đơn xuống còn 211 nghìn – mức thấp nhất trong vòng 1 tháng và thấp hơn mức dự báo 215 nghìn.

Nguồn: BLS/S&P/Tradingeconomics

Fitch dự báo tăng trưởng GDP của Trung Quốc sẽ giảm xuống còn 4,5% vào năm 2024, do sự yếu kém dai dẳng của lĩnh vực bất động sản và tiêu dùng hộ gia đình suy giảm.

Hoạt động xuất nhập khẩu tháng 3 bất ngờ giảm

Nhập khẩu giảm 1,9% trong khi 2 tháng đầu năm 2024 tăng 3,5% và dự báo tăng 1,2%. Đây cũng là tháng giảm đầu tiên kể từ tháng 11/2023. Trong khi đó, xuất khẩu giảm mạnh hơn dự báo, giảm tới 7,5% so với cùng kỳ, đảo ngược xu thế khi tăng 5,6% trong tháng trước và dự báo chỉ giảm 3%. (Nhưng xuất khẩu sang ASEAN vẫn tăng 4,1%, đặc biệt sang Việt Nam tăng mạnh 18,5%).

Thặng dư thương mại thấp hơn dự báo, chỉ đạt 58,55 tỷ USD so với cùng kỳ năm trước đạt 78,43 tỷ USD vì xuất khẩu giảm nhiều hơn nhập khẩu (-,5% so với 1,9%).

Nguồn: NBS/Tradingeconomics

Bên cạnh đó, Fed cũng nhận định tác động của chính sách tiền tệ thắt chặt mà Fed áp dụng thời gian qua có độ trễ nhất định và cần thêm thời gian để đánh giá một cách đầy đủ. Sản lượng của nền kinh tế Mỹ có thể sẽ ở dưới mức tiềm

kinh tế Mỹ đã mạnh hơn so với những dự báo đưa ra hồi cuối năm 2023.

NHTW khu vực EURO (ECB):

Trong cuộc họp chính sách ngày 11/4/2024, NHTW Châu Âu ECB không thay đổi lãi suất điều hành và đưa ra nhận định áp lực lạm phát tại Eurozone tiếp tục giảm do giá lương thực và hàng hóa giảm, tuy nhiên áp lực giá ở lĩnh vực dịch vụ vẫn đang ở mức cao.

ECB thực hiện khảo sát các nhà dự báo kinh tế từ 18-21/3/2024 về lạm phát 2024 và 2025 với 61 câu trả lời được thực hiện, kết quả thu về gần tương tự với dự báo mới nhất hồi tháng 3/2024. Cụ thể:

Kỳ vọng lạm phát loại trừ năng lượng, thực phẩm, rượu và thuốc lá sẽ giảm xuống 2,1% vào năm 2025 và 2% vào năm 2026, giảm so với mức 2,6% của năm nay.

Kỳ vọng về tăng giá tiêu dùng trong năm 2026 và dài hạn không thay đổi ở mức 2%.

năng trong năm 2024, và quay trở lại mức tiềm năng trong dài hạn, khi những tác động từ CSTT yếu dần. Tỷ lệ thất nghiệp được dự báo sẽ không thay đổi nhiều trong vài năm tới.

Dự báo lạm phát 2024-2026 khu vực EURO



- Tăng trưởng kinh tế năm 2024 dự báo giảm từ 0,6% xuống 0,5% và nâng dự báo cho năm 2025 từ 1,3% lên 1,4%.
- Kỳ vọng lạm phát khu vực Eurozone gồm 20 quốc gia sẽ giảm xuống 2,4% trong năm nay và sẽ đạt 2% vào năm 2025 - không thay đổi so với vòng khảo sát trước đó.
- Tỷ lệ thất nghiệp dự kiến là 6.6% trong năm nay - giảm nhẹ so với mức 6.7% được ghi nhận trong cuộc khảo sát trước đó.

Nguồn: Nguồn: Fed/ECB

B. KINH TẾ - TÀI CHÍNH – TIỀN TỆ TRONG NƯỚC

I. THÔNG TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Nghân hàng Nhà nước Việt Nam triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo kết luận số 160/TB-VPCP ngày 11/4/2024 về quản lý thị trường vàng

Theo đó, NHNN sẽ triển khai ngay 5 nhóm giải pháp.

Thứ nhất, đối với thị trường vàng miếng, thực hiện tăng cung để xử lý tình trạng chênh lệch cao của giá trong nước so với giá thế giới.

Thứ hai, đối với thị trường vàng trang sức, mỹ nghệ, tiếp tục tạo điều kiện tối đa nhằm đảm bảo đủ nguyên liệu cho các hoạt động sản xuất để xuất khẩu vàng trang sức mỹ nghệ.

Nghân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN)

Gói tín dụng cho ngành lâm, thủy sản có thể được nâng từ 30 nghìn tỷ lên 50 nghìn tỷ

Thứ ba, phối hợp với các bộ, ngành, các cơ quan chức năng liên quan để yêu cầu doanh nghiệp triển khai sử dụng hóa đơn điện tử trong các giao dịch mua, bán vàng nhằm nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý.

Thứ tư, thực hiện ngay công tác nắm tình hình, thanh tra, kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; xử lý nghiêm các hành vi buôn lậu vàng qua biên giới, trục lợi, đầu cơ, thao túng giá vàng.

Thứ năm, phối hợp với các bộ, ngành để thành lập đoàn thanh tra liên ngành và sẽ triển khai ngay trong tháng 4 này.

Nguồn: NHNN

Ngày 12/4/2024, tại Hội thảo “Tín dụng hỗ trợ lâm, thủy sản giữ vững vị thế ngành xuất khẩu tỷ USD” do NHNN phối hợp với Báo Lao động tổ chức tại Hải Phòng, Phó Thống đốc thường trực Đào Minh Tú, cho biết gói tín dụng 30.000 tỷ cho ngành lâm, thủy sản có thể được nâng lên thành 50.000 tỷ đồng.

Mặt bằng lãi suất huy động biến động

Trong tuần, có khoảng 10 ngân hàng điều chỉnh lãi suất tiết kiệm.

Trong khi một số ngân hàng vẫn điều chỉnh giảm lãi suất, có 5 ngân hàng tăng lãi suất huy động tại một số kỳ hạn, với mức tăng trung bình 0,1 -0,3 điểm %/năm.

Lãi suất cho vay bình quân của một số ngân hàng

(Tổng hợp đến ngày 10/4, lãi suất theo %/năm)

Cụ thể, các ngân hàng tăng lãi suất tiết kiệm bao gồm: Ngân hàng Eximbank, ngân hàng NCB, ngân hàng VPBank, ngân hàng KienLong Bank, Ngân hàng VIB.

Mặc dù động thái điều chỉnh tăng lãi suất chỉ xảy ra với một số ít kỳ hạn nhưng trong bối cảnh lãi suất tiết kiệm đã ở mức rất thấp, đây vẫn được người gửi tiền đặc biệt quan tâm.

Một số ngân hàng khác vẫn điều chỉnh giảm lãi suất tiết kiệm là Viet A Bank, Nam A Bank, Techcombank,... Các ngân hàng như NCB và Eximbank cũng vẫn điều chỉnh giảm lãi suất ở một số kỳ hạn.

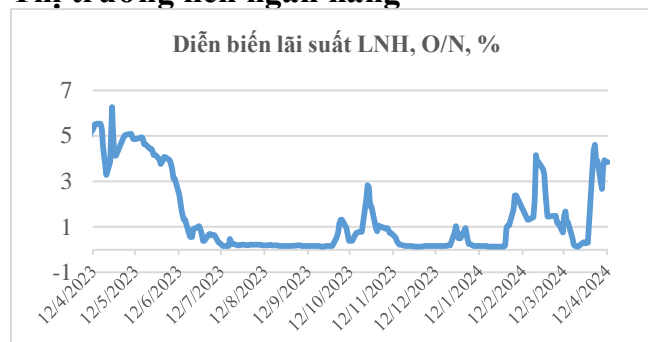
Nguồn: Tổng hợp thông tin các ngân hàng thương mại

Ngân hàng	Lãi suất cho vay bình quân	Lãi suất cho vay bình quân (Cá nhân)	Lãi suất cho vay bình quân (Doanh nghiệp)	Chênh lệch LS tiền gửi và cho vay bình quân
Vietcombank	6,4			3,4
BIDV	6,49			3,12
Agribank	7,47			3,27
Vietinbank	6,3			2,45
Sacombank	7,09			2,8
ACB	6,78			3,6
Techcombank		7,33	6,89	3,89 – 4,33
ABBank		7,28	6,31	3,07
Eximbank	7,76	8,69	6,54	2,94
TPBank	7,4	8,09	7,08	3,475
OCB		7,9	8,93	3,98
VIB		7,29 – 8,6	6,83 – 7,69	3,16
SHB	7,9			3,7
Bản Việt	8,51	8,85	7,87	3,22
Liên Việt	7,49			2,11

II. THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

2.1. Thị trường tiền tệ

Thị trường liên ngân hàng



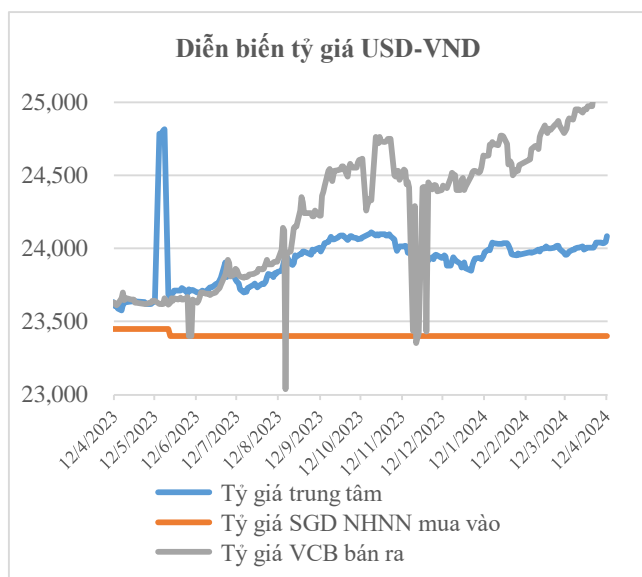
Trong tuần từ 08/04 - 12/04, lãi suất VND LNH biến động tăng mạnh ở tất cả các kỳ hạn. Chốt ngày 12/04, lãi suất VND LNH giao dịch quanh mức: ON 4,26% (+1,68 đpt); 1W 4,26% (+1,36 đpt); 2W 4,36% (+1,13 đpt); 1M 4,42% (+0,67 đpt).

Lãi suất USD LNH biến động tăng – giảm nhẹ qua các phiên ở tất cả các kỳ hạn. Phiên 12/04, lãi suất USD LNH đóng cửa ở mức: ON 5,26% (+0,01 đpt); 1W 5,32% (+0,01 đpt); 2W 5,40% (+0,01 đpt) và 1M 5,41% (-0,01 đpt).

Thị trường mở

NHNN chào thầu tín phiếu NHNN kỳ hạn 28 ngày, đấu thầu lãi suất ở tất cả các phiên. Hết tuần, có tổng cộng 25.250 tỷ đồng trúng thầu, lãi suất tăng từ 2,9%/năm lên 3,5% vào phiên cuối tuần.

Thị trường ngoại hối



Trên thị trường mở tuần qua, tại kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở kỳ hạn 7 ngày với khối lượng là 30.000 tỷ VND, lãi suất ở mức 4,0%. Có 9.999,99 tỷ đồng trúng thầu và 8.465,53 tỷ đồng đáo hạn trong tuần qua.

Như vậy, NHNN bơm ròng 51.283,36 tỷ VND ra thị trường trong tuần qua bằng kênh thị trường mở, khối lượng tín phiếu NHNN lưu hành giảm xuống mức 123.049,9 tỷ đồng, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố ở mức 9.999,99 tỷ đồng.

Nguồn: NHNN, HHHH tổng hợp

*Trên thị trường liên ngân hàng trong nước, tỷ giá trung tâm được điều chỉnh theo xu hướng tăng.

*Trên thị trường thế giới, chỉ số USD Index dao động quanh mốc 105 điểm, gần mức cao nhất 5 tháng và đồng USD tăng giá trên 1% trong tuần.

- Chốt phiên ngày 12/04/2024, tỷ giá trung tâm được niêm yết ở mức 24.082 VND/USD, tăng 36 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

- Sở Giao dịch NHNN tiếp tục niêm yết giá mua USD ở mức 23.400 VND/USD. Tỷ giá bán giao ngay cuối tuần được niêm yết ở mức 25.236 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với trần tỷ giá.

- Tỷ giá VND-USD liên ngân hàng trong tuần từ 8-12/4 tăng giảm đan xen qua các phiên.

Kết thúc phiên 12/04/2024, tỷ giá liên ngân hàng đóng cửa tại 25.020 VND/USD, tăng tiếp 60 đồng so với phiên cuối tuần trước đó.

Nguồn: NHNN, HHHH tổng hợp

C. VĂN BẢN LIÊN QUAN BAN HÀNH, DỰ THẢO TRONG TUẦN

* VĂN BẢN MỚI BAN HÀNH

Cơ quan	Văn bản	Ngày ban hành	Ngày hiệu lực	Nguồn
CP	Nghị quyết 46/NQ-CP của Chính phủ về Báo cáo bổ sung tình hình thực hiện Nghị quyết 43/2022/QH15 ngày 11/01/2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và các nghị quyết của Quốc hội về một số dự án quan trọng quốc gia đến hết năm 2023	10/4/2024	10/4/2024	https://luatvietnam.vn/van-ban-moi.html

* VĂN BẢN DỰ THẢO XIN Ý KIẾN

Cơ quan	Văn bản	Ngày bắt đầu xin ý kiến	Nguồn
NHNN	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2019/TT-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2019 quy định về thực hiện dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài	11/4/2024	https://chinhphu.vn/du-thao-vbqpp1

HIỆP HỘI NGÂN HÀNG VIỆT NAM